

Soạn bài: Luyện tập từ Hán Việt

LUYỆN TẬP VỀ TỪ HÁN VIỆT

1. Chỉ ra nghĩa của tiếng tái, tiếng sinh và của từ tái sinh trong câu thơ sau:

Tái sinh chưa dứt hương thê,
Làm thân trâu ngựa, đèn ghè trúc mai.

(Nguyễn Du – Truyện Kiều)

Gợi ý:

- Tái: lần thứ hai, lại, trở lại lần nữa
- Sinh: đẻ ra, sống
- Tái sinh: sinh lại một kiếp khác, sống lại ở kiếp sau

2. Tìm những từ Hán Việt khác có tiếng tái và những từ Hán Việt khác có tiếng sinh, với nghĩa như trong tái sinh ở câu thơ trên.

Gợi ý:

- tái bản, tái diễn, tái hiện, tái hợp, tái lập, tái ngộ, tái phạm, tái phát, tái tạo,...
- sinh động, sinh hạ, sinh hoạt, sinh học, sinh khí, sinh lí, sinh mệnh, sinh nhật, sinh sản, sinh thái, sinh tố, sinh tồn, sinh vật, song sinh, bầm sinh, giáng sinh, sản sinh, môi sinh, quyền sinh, dưỡng sinh, trường sinh,...

3. Anh (chị) hiểu thế nào về nghĩa của cụm từ tái hồi Kim Trọng? Đặt một câu với cụm từ này.

Gợi ý:

- Tái hồi: trở về lại nơi cũ hoặc với người cũ.
- Tái hồi Kim Trọng gắn với Truyện Kiều, để chỉ Thuý Kiều sau mười lăm năm lưu lạc lại trở về với người yêu cũ là Kim Trọng; về sau cụm từ này được dùng như một thành ngữ để chỉ việc quay lại với người yêu cũ.
- Tham khảo: Sau mười lăm năm lưu lạc trải bao tủi nhục, đắng cay, Thuý Kiều tái hồi Kim Trọng.

4. a) Phân biệt nghĩa của tái sinh với nghĩa của trùng sinh trong câu thơ sau:

Trùng sinh ơn nặng bể trời,
Lòng nào nỡ dứt nghĩa người ra đi.

(Nguyễn Du – Truyện Kiều)

Gợi ý:

- Trùng sinh: sinh lại, sống lại ở ngay kiếp này một lần nữa.

b) So sánh nghĩa của sinh trong câu thơ trên với nghĩa của sinh trong câu thơ dưới đây:

Dấn mình trong áng can qua,

Vào sinh ra tử, hoá là thấy nhau.

(Nguyễn Du – Truyện Kiều)

Gợi ý: Sinh trong trùng sinh mang nét nghĩa đẻ ra (sinh ra), còn sinh trong Vào sinh ra tử mang nét nghĩa sống, trái nghĩa với chết.

c) Dựa trên sự khác nhau về nét nghĩa của sinh như ở hai trường hợp trên, hay xếp các từ sau đây vào bảng theo hai nhóm.

sinh kế, sinh học, sinh nhật, sinh ngữ, sinh lực, sinh mệnh, sinh quán, sinh thành, sinh khí, sinh vật, sinh tố, sinh lí, giáng sinh, bẩm sinh, sản sinh, sơ sinh, song sinh, sinh tồn, sinh động, sinh hoạt, hi sinh, sinh tử, dưỡng sinh

Sinh (trùng sinh)	Sinh (vào sinh ra tử)
.....	

Gợi ý: Các từ có sinh mang nét nghĩa giống với sinh trong vào sinh ra tử: sinh kế, sinh học, sinh lực, sinh mệnh, sinh khí, sinh vật, sinh lí, sinh tồn, sinh động, sinh hoạt, hi sinh, sinh tử, dưỡng sinh; còn lại là các từ có sinh mang nét nghĩa giống với sinh trong trùng sinh.

5. Chỉ ra từ dùng sai trong câu dưới đây và sửa lại cho đúng:

Mẹ Tấm chết, người cha tái giá với một người đàn bà khác, sinh ra Cám.

Gợi ý: Trong câu này, từ tái giá dùng sai. Tái giá dùng để chỉ người đàn bà goá đi lấy chồng lần nữa, không dùng chỉ người đàn ông đi lấy vợ lần nữa.

Có thể sửa lại bằng cách thay tái giá bằng tục huyền hoặc bỏ từ tái giá:

Mẹ Tấm chết, người cha lấy một người đàn bà khác, sinh ra Cám.

Hoặc:

Mẹ Tấm chết, người cha lấy vợ khác, sinh ra Cám.

6. Nhận xét về cách dùng từ tái bản trong các câu sau:

- Quyền sách này được tái bản lần đầu.

- Quyền sách này được tái bản lần thứ sáu.

Gợi ý: Sách tái bản là sách đã được in lại. Nói tái bản lần đầu nghĩa là sách đó đã được in lại lần thứ hai. Người ta nói tái bản lần thứ bao nhiêu là tùy theo thứ tự của lần in lại.

7. Nhận xét về tác dụng của tiếng kể, tiếng hoá trong các từ sau; tìm các từ khác có tiếng kể, tiếng hoá tương tự.

- nhiệt kế, ampe kế

- hiện đại hoá, vôi hoá, ôxi hoá

Gợi ý: Kể có tác dụng tạo ra danh từ với mang nét nghĩa là cái dùng để đo, ví dụ: điện kế, khí áp kế, lực kế, ăm kế, vôn kế,...; hoá có tác dụng tạo ra động từ mang nét nghĩa biến thành, trở nên, ví dụ: công nghiệp hoá, bê tông hoá, Âu hoá,...

8. Nhận xét về cách dùng phó trong các trường hợp sau:

- Hiệu trưởng - phó hiệu trưởng, hiệu phó
- Trưởng phòng – phó trưởng phòng, phó phòng
- Chánh văn phòng – phó chánh văn phòng, phó văn phòng

Gợi ý: Cả hai cách dùng phó như ở các trường hợp này đều đang tồn tại trong tiếng Việt hiện nay. Cách gọi phó hiệu trưởng, phó trưởng phòng, phó chánh văn phòng thường được dùng trong bối cảnh giao tiếp lễ nghi, trang trọng. Cách gọi hiệu phó, phó phòng, phó văn phòng thường được dùng trong bối cảnh giao tiếp thông tục, không mang tính lễ nghi.